

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng
2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Là Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Ông Võ Quốc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2022/TLST-HS, ngày 16 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:66/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trương Thái S, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số C, Khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn K (đã chết); Con bà Lê Thị K1, sinh năm 1947; Vợ: Tăng Thị Ánh T, sinh năm 1980; Con: 01 người sinh năm 2015; Anh chị em ruột có 04 người (lớn nhất sinh năm 1970 nhỏ nhất sinh năm 1975); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang từ ngày 21/8/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lâm Hữu T1, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm Minh T2, sinh năm 1958; Con bà Trương Thị Thu T3, sinh năm 1957; Vợ, con: Chưa; Anh chị em ruột có 04 người (lớn nhất sinh năm 1978 nhỏ nhất sinh năm 1992); Tiền án: 01 tiền án. Ngày 27/5/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 68/2021/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày

24/11/2021 (chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không; Ngày 18/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thời hạn 12 tháng, theo Quyết định số 23/2019/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 21/02/2022 (đã được xóa). Bị bắt quả tang từ ngày 21/8/2022, sau đó khởi tố chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thái S và Lâm Hữu T1: Luật sư Dương Tấn L-
Văn phòng luật sư Dương Tấn L thuộc Đoàn luật sư tỉnh K

3. Hình Thanh D, sinh năm 1983; Nơi cư trú và chỗ ở: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hình Văn P, sinh năm 1957; Con bà Huỳnh Kim N, sinh năm 1964; Vợ: Trần Thị Bé N1, sinh năm 1990 (đã ly hôn ngày 29/3/2022); con: 03 người con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018); Anh chị em ruột có 01 người sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 21/8/2022 đến ngày 31/8/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thái S cư trú ở ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang làm nghề môi giới cho ngư phủ đi ghe biển. S cho các ngư phủ mượn tiền sau đó tìm ghe giới thiệu cho họ đi biển. Khi ngư phủ được chủ ghe nhận đi biển thì họ sẽ mượn tiền của chủ ghe trả lại S, đồng thời S sẽ hưởng tiền công giới thiệu do chủ ghe trả (gọi là tiền cò). Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 16/8/2022, Nguyễn Hoàng Đ được người tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) chở đến tỉnh Kiên Giang ghé quán cà phê (không rõ địa chỉ) gặp S và Lâm Hữu T1 (người làm thuê cho S) để giới thiệu cho Đ đi ghe biển. Tại đây, T1 và S cho Đ ứng số tiền 13.000.000 đồng, Đ đưa hết số tiền đó cho M. M lên xe rời đi, S điều khiển xe máy chở Đ và T1 về nhà do S thuê ở ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang để chờ tìm ghe đưa Đ đi biển.

Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 18/8/2022, S thuê xe của Hình Thanh D1 chở Đ đến tỉnh Bến Tre tìm ghe đi biển nhưng không tìm được. Sau đó, S đưa định trở lại nhà trọ của S để ở và chờ tìm ghe tiếp tục đi biển. Khoảng 19 giờ ngày 19/8/2022, S đưa thêm Nguyễn Văn T4 về phòng trọ ở cùng với Đ và T1 để chờ tìm ghe đi biển.

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 21/8/2022, S kêu T1 chuẩn bị đưa Đ và T4 đến thị trấn S để đưa ra ghe đi biển. S điện thoại cho Hình Thanh D1 để thuê xe chở Đ và T4 đến thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Khoảng 10 giờ cùng ngày, D1 điều khiển xe ô tô

chở T1, S, Đ, T4 đến thị trấn S. Tại đây, S liên hệ với Phan Vũ L1 rồi dẫn T1, Đ, T4 và D1 đến quán cà phê (thuộc khóm A, thị trấn S) để gặp L1. Lúc này L1 kêu S, T1, D1, Đ và T4 về nhà L1 để nói chuyện về việc đi ghe biển và tiền ứng khi ra ghe nhưng Đ không đồng ý đi do Đ bị bệnh và số tiền ứng khi đi ghe ở đây sau khi trừ tiền đã mượn của S thì số tiền còn lại rất ít. S bực tức đứng vậy, dùng tay đánh 2,3 cái trứng vào lưng và phía trước người Đ. Thọ can ngăn, sau khi bị đánh, Đ đồng ý đi biển. L1 dẫn tất cả đến một dãy nhà trọ do L1 thuê ở khóm A, kêu vào ở đợi L1 tìm ghe biển cho Đ và T4 đi. L1 tổ chức nhậu với T1, Đ, S, còn D1, T4 không nhậu. S và L1 yêu cầu Đ ký tên vào hợp đồng đi biển nhưng Đ không ký, S tức giận dùng tay, chân đánh đá vào người Đ. T1 đi đến dùng chân đá vào người Đ và cầm nón cối màu xanh giơ lên định đánh Đ nhưng chưa kịp đánh thì D1 ngăn cản.

Sau đó L1 nói đã tìm được ghe nên kêu S đưa Đ ra Đồn biên phòng S1 để lên ghe đi biển. L1 đều xe ôm chở Đ và S, còn L1 điều khiển xe chở T4, T1 đi xe ôm sau cùng. Khi gần đến Đồn biên phòng S2 và Đ xuống xe đi bộ một đoạn thì Đ bỏ chạy vào sân nhà của chị Âu Kim N2 thuộc khóm A, thị trấn S để trốn thì S đuổi theo để bắt Đ lại. Khi S đuổi kịp Đ thì S dùng tay câu cổ ôm bắt Đ kéo đi ra lộ.

S kéo Đ lên xe ôm chạy về phòng trọ của L1, S kêu Đ vào phòng rồi đóng cửa lại giữ Đ không cho Đ ra ngoài vì sợ Đ tiếp tục bỏ trốn, Đ ngồi trong phòng khoảng 05-10 phút, lợi dụng lúc S không chú ý, Đ bỏ chạy ra đường, S la lên “*Nó chạy D1 ơi*”, Đ chạy ra đến đầu đường thì gặp D1, D1 dùng tay chặn Đ lại, Đ đẩy D1 ra tiếp tục chạy đến vừa phê liệu vào nhà của Trương Hữu Đ1 ở khóm A thị trấn S, Đ vào nhà vệ sinh khóa cửa lại rồi kêu “*Mấy chú, mấy cô ơi báo Công an dùm con, nó bắt con*”. S và D1 đuổi theo Đ đến nhà vệ sinh đứng ngoài cửa kêu Đ mở cửa, khoảng 15 phút Đ mở cửa bỏ chạy thì bị D1 ôm lại, S nắm tóc, nắm áo, D1 nắm tay kéo Đ ra trước hàng ba, S ôm Đ, Đ vùng vẫy; S kêu D1 lấy dây, D1 nhờ ông Đ1 lấy sợi dây thái màu trắng đưa cho D1, ông Đ1 nghĩ Đ say ma túy quậy phá nên lấy dây đưa cho D1, D1 dùng sợi dây trói tay Đ nhưng Đ vùng vẫy không trói được. D1 đưa dây cho S trói Đ. Khi S đang trói Đ nhưng chưa được thì T1 đi đến hỏi S “*Sao ra tới đây*”, S trả lời do Đ bỏ chạy trốn nên S rượt đuổi Đ và muốn bắt Đ lại. S kêu T1 tiếp S không chế Định và trói Đ lại để đưa về phòng trọ, T1 lấy bình xịt hơi cay từ trong túi quần ra xịt hơi cay vào người Đ, Đ quỵ xuống, S dùng dây trói 02 tay Đ lại, khoảng 10 phút sau S mở dây trói ra dự định sẽ đưa Đ lên xe. Ông Đ1 và mọi người xung quanh không cho S, D1, T1 đưa Đ đi. Ông Đ1 điện báo Công an thị trấn S đến bắt quả tang, qua làm việc S, T1, D1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

-Vật chứng vụ án: 01 mũ cối màu xanh của Lâm Hữu T1; 01 bình xịt hơi cay màu xanh, có nắp màu đen có chữ Nano, loại 110ml được niêm phong có chữ ký và chữ viết của Lâm Hữu T1; 01 sợi dây bo loại 8 ly, dài 11m, hai đầu dây cắt thành nhiều sợi nhỏ; 01 áo thun ngắn tay màu xám, trên áo có dòng chữ “Esse Ntials”; 01 quần sọt bằng vải màu xám, mặt trong có chữ “Blue-Exchange” của D1.

**/ Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 13/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố Trương Thái S về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo điểm d khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự; Lâm Hữu T1 và Hình Thanh D1 về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.*

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng, không oan sai; các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra là do các bị cáo tự nguyện khai; không ai ép cung, mớm cung gì đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội đối với các bị cáo là giữ nguyên cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T5 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự hiện hành, xử phạt bị cáo Trương Thái S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự hiện hành, phạt bị cáo Lâm Hữu T1 từ 09 tháng đến 15 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự hiện hành, phạt bị cáo Hình Thanh D1 từ 06 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 02 (Hai) năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; *Về vật chứng vụ án*: Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ cối màu xanh của Lâm Hữu T1; 01 bình xịt hơi cay màu xanh, có nắp màu đen có chữ Nano, loại 110ml được niêm phong có chữ ký và chữ viết của Lâm Hữu T1; 01 sợi dây bo loại 8 ly, dài 11m, hai đầu dây cắt thành nhiều sợi nhỏ; 01 áo thun ngắn tay màu xám, trên áo có dòng chữ “Esse Ntials”; 01 quần sọt bằng vải màu xám, mặt trong có chữ “Blue-Exchange” của D1.

Người bào chữa cho bị cáo các Trương Thái S và Lâm Hữu T1 trình bày tranh luận: Thống nhất với tội danh, khoản, Điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội đối với bị cáo T1 về tội “Bắt người trái pháp luật” cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo S thống nhất về tội danh “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tuy nhiên, không thống nhất về điểm, khoản, Điều luật đã truy tố bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, trong trường hợp này bị cáo chỉ thực hiện hành vi phạm tội liên tục nên quan điểm của luật sư áp dụng khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Thật thà khai báo, bị cáo chưa tiền án, tiền sự, bị cáo có học thức kém, có một phần lỗi của bị hại nên Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo không tham gia tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt với mức án thấp nhất. Riêng bị cáo Hình Thanh D1 xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, người bị hại Nguyễn Hoàng Đ vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt của ông Đ không ảnh hưởng đến nội dung xét xử vụ án nên căn cứ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên tòa và thảo luận nghị án của HĐXX cho thấy đã có đủ cơ sở để kết luận diễn biến nội dung vụ án như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời mô tả và truy tố. Bị cáo Trương Thái S đã thừa nhận hai lần bắt, giữ bị hại Đ mục đích để đưa bị hại đi ghe biển để lấy tiền cò (hoa hồng), do bị cáo làm nghề môi giới cho ngư phủ đi biển. Bị cáo cùng với bị cáo Lâm Hữu T1 thuê xe do bị cáo Hình Thanh D1 làm tài xế đưa bị hại Đ đến thị trấn S, huyện T để giới thiệu cho chủ ghe biển. Khi bị hại Đ không đồng ý đi ghe biển thì bị cáo có hành vi đánh đập, rượt đuổi, bắt giữ cho bằng được bị hại. Hành vi trên của bị cáo Trương Thái S đủ yếu tố cấu thành tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” với tình tiết định khung “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017). Các bị cáo Lâm Hữu T1 dùng chân đá và dung bình xịt hơi cay xịt vào người của bị hại mục đích cho bị hại mất sức kháng cự để bị cáo S trói bị hại. Bị cáo Hình Thanh D1 có hành vi tham gia cùng với bị cáo S bắt bị hại, lấy dây cho bị cáo S trói bị hại. Các bị cáo giúp sức, tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm nhưng không có sự sắp xếp trước. Hành vi trên của các bị cáo Lâm Hữu T1 và Hình Thanh D1 đủ yếu tố cấu thành tội “*Bắt người trái pháp luật*” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Xét về vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của các bị cáo:

[3.1] Bị cáo Trương Thái S là người thực hiện hành vi rượt đuổi, bắt bị hại Nguyễn Hoàng Đ từ nhà của bà Âu Kim N2 về phòng trọ và trực tiếp giữ bị hại Đ. Sau đó bị hại Đ bỏ chạy thì bị cáo hô hoán cùng với bị cáo Duy đuổi bắt bị hại. Khi bị hại trốn vào nhà vệ sinh của ông Đ1, bị cáo nắm kéo bị hại ra, bị cáo câu vật, ôm bị hại, kêu bị cáo Đ1 đưa dây để bị cáo trói bị hại mặt cho bị hại dùng vậy, bị cáo vẫn không dừng lại. Bị hại tiếp tục chạy thì bị cáo tiếp tục rượt đuổi bị hại bắt cho bằng được, đến khi bị cáo T1 dùng bình xịt hơi cay xịt vào người bị hại khi bị hại không còn sức chống cự thì bị cáo trói bị hại lại. Trong vụ án bị cáo đóng vai trò chính vì nếu bị hại bỏ trốn thì bị cáo sợ mất hết khoản tiền đã đưa cho bị hại, tiền cò và các chi phí khác. Khi thực hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi bắt, giữ người là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[3.2] Bị cáo Lâm Hữu T1 là người làm thuê cho bị cáo S. Khi bị hại Đ không đồng ý đi biển, thì bị cáo dùng chân đá vào người bị hại và dùng nón cối định gây thương tích cho bị hại nhưng đã được ngăn cản. Khi bị cáo S và bị cáo Đ1 chưa bắt, giữ được bị hại thì bị cáo dùng bình xịt hơi cay xịt vào người bị hại Đ làm cho bị hại không còn sức chống cự để cho bị cáo S trói bị hại. Với hành vi giúp sức về mặt tinh thần của bị cáo để cho bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với bị cáo S. Đồng thời lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[3.3] Bị cáo Hình Thanh D1 là người được bị cáo S thuê làm tài xế, bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc đưa bị hại đi ghe biển nhưng khi xảy ra sự việc bị cáo S rượt đuổi, bắt, giữ bị hại Đ thì bị cáo cũng tham gia để bắt bị hại, vì nếu bị hại bỏ trốn thì bị cáo sợ bị cáo S không có tiền để trả tiền thuê cho bị cáo. Mặc dù bị cáo không trực tiếp đánh bị hại cũng không trực tiếp trói bị hại nhưng bị cáo biết rõ bị cáo S yêu cầu bị cáo ngăn chặn bị hại chạy trốn và đưa dây cho bị cáo S nhằm mục đích để bắt giữ bị hại Đ nhưng bị cáo không ngăn cản để mặt cho hậu quả xảy ra. Nếu như bị cáo không có sự giúp sức về mặt tinh thần thì bị cáo S sẽ không bắt, giữ được cho bị hại Đ. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay, tình hình bắt giữ người để đưa đi ghe biển xảy ra trên địa bàn huyện T có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly các bị cáo Trương Thái S, Lâm Hữu T1 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục riêng cho bản thân các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo như: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; bị cáo T1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Hình Thanh D1 phạm tội với vai trò thứ yếu không đáng kể trong vụ án có đồng phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo D1 đã từng công tác trong ngành Công an đã được tặng huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba năm 2010. Hơn nữa hiện nay đang bị bệnh nhồi máu não bán cầu (tắc nghẽn mạch máu não), bị cáo có 03 con nhỏ, vợ mới ly hôn giao con cho bị cáo trực tiếp nuôi, có địa chỉ rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội đối với bị cáo cũng đủ để răn đe cho bị cáo nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh để trở thành công dân có ích cho xã hội theo Chính sách khoan hồng của Nhà nước theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời về hình phạt tù đối với các bị cáo Trương Thái S và Lâm Hữu T1 là tương xứng hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với bị cáo Hình Thanh D1 mức hình phạt tù 06 tháng đến 01 năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận đề nghị này của Viện kiểm sát về hình phạt.

[6] Người bào chữa thống nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Lâm Hữu T1. Thống nhất tội danh đã truy tố bị cáo Trương Thái S. Tuy nhiên không thống nhất điểm, khoản truy tố đối với bị cáo, cho rằng trong trường hợp này bị cáo phạm tội liên tục không phải phạm tội nhiều lần. Qua xem xét hành vi của bị cáo S khi bắt bị hại Đ từ nhà của bà Âu Kim N2 đem về phòng trọ giữ là tội phạm đã hoàn thành lần thứ nhất. Khi bị hại đã chạy trốn tại nhà của ông Trương Hữu Đ1 bị cáo tiếp tục bắt, giữ lại tội phạm đã hoàn thành lần thứ hai như nhận định tại mục 3.1. Do đó, quan điểm của luật sư đối với bị cáo S không đủ cơ sở để chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 mũ cối màu xanh của Lâm Hữu T1; 01 bình xịt hơi cay màu xanh, có nắp màu đen có chữ Nano, loại 110ml được niêm phong có chữ ký và chữ viết của Lâm Hữu T1; 01 sợi dây bo loại 8 ly, dài 11m, hai đầu dây cắt thành nhiều sợi nhỏ; 01 áo thun ngắn tay màu xám, trên áo có dòng chữ “Esse Ntials”; 01 quần sọt bằng vải màu xám, mặt trong có chữ “Blue-Exchange” của D1. Tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu nhận lại. Xét thấy các vật chứng trên không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Các vấn đề khác:

[9.1] Đối với Trương Hữu Đ1, Phan Vũ L1 quá trình điều tra chứng minh được không có đồng phạm với các bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

[9.2] Đối với Nguyễn Văn T4 tự nguyện ở cùng với các bị cáo trong vụ án để được đi ghe biển, không bị hạn chế sự tự do trái ý muốn nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự các bị cáo về hành vi xâm phạm quyền tự do của ông T4 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9.3] Đối với hành vi của các bị cáo S và T1 có đánh, xâm hại sức khỏe của Nguyễn Hoàng Đ. Bị hại Đ không bị thương tích gì nên không yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi trên. Vì vậy, Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trương Thái S và Lâm Hữu T1 là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các bị cáo phải chịu theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thái S phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”; Bị cáo Lâm Hữu T1 và Hình Thanh D1 phạm tội “*Bắt người trái pháp luật*”.

Căn cứ vào Điều 50; điểm d khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt: Bị cáo Trương Thái S **02** (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 21/8/2022.

Căn cứ vào Điều 50; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt: Bị cáo Lâm Hữu T1 **01** (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 21/8/2022.

Căn cứ vào Điều 50; khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xử phạt: Bị cáo Hình Thanh D1 **01** (Một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm. Thời gian thử thách được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10/01/2023.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Hình Thanh D1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ cối màu xanh của Lâm Hữu T1; 01 bình xịt hơi cay màu xanh, có nắp màu đen có chữ Nano, loại 110ml được niêm phong có chữ ký và chữ viết của Lâm Hữu T1; 01 sợi dây bo loại 8 ly, dài 11m, hai đầu dây cắt thành nhiều sợi nhỏ; 01 áo thun ngắn tay màu xám, trên áo có dòng chữ “Esse Ntials”; 01 quần sọt bằng vải màu xám, mặt trong có chữ “Blue-Exchange” của D1.

(Các vật chứng trên hiện chi cục thi hành án dân sự quản lý theo biên bản giao nhận ngày 13/12/2022).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Thái S, Lâm Hữu T1 và Hình Thanh D1 mỗi bị cáo phải nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (1b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

